TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** TỈNH GIA LAI ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST
Ngày: 25-7-2022
"Tranh chấp hợp đồng kinh tế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thưởng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc và ông Lương Văn Kiên.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Bà Cao Thảo Nga, là Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số: 32/2021/TLST-KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2021, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng kinh tế về mua bán hàng hóa"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-KDTM ngày 17-6-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: CÔNG TY VINA; địa chỉ: Số 17A, VSIP II-A, đường số 25, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thị xã T, tỉnh B (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, đăng ký, thay đổi lần thứ 3, ngày 17-4-2020).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông S , chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Nam T, là Nhân viên pháp lý; địa chỉ: Phòng 1606-07, tòa nhà Mepletree, 1060 Nguyễn Văn Linh, phường T, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bị đơn: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN V; địa chỉ: Số 05 Nơ Trang Long, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 09 tháng 9 năm 2020).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Văn H, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10-3-2021 nguyên đơn trình bày: Ngày 01/3/2020, CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN V (sau đây viết tắt là: Công ty Phát triển Vùng Cao) dã cùng với CÔNG TY CỔ VINA (sau đây viết tắt là: Công ty VINA) đã thỏa thuận ký Hợp đồng kinh tế, số: 2003-05/HĐKT/SRVN-PTVC về việc mua bán chất phụ gia bê tông. Theo đó, Công ty VINA bán cho Công ty Phát triển V các sản phẩm phụ gia bê tông như sau:

Stt	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá	Quy cách đóng gói
01	ROADCON SSA	VNĐ/Lít	10.400	1.000 lít/thùng
02	ROADCON WPA52	VNĐ/Lít	20.400	1.000 lít/thùng

Theo thỏa thuận, Công ty VINA có trách nhiệm giao hàng theo số lượng đặt hàng và trong thời gian yêu cầu của Công ty Phát triển V. Hằng tháng, Công ty VINA có trách nhiệm xuất hóa đơn theo từng đơn hàng; trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày xuất hóa đơn tài chính, Công ty Phát triển V phải thanh toán 100% giá trị của hợp đồng cho Công ty VINA. Việc thanh toán có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty VINA. Nếu Công ty Phát triển V thanh toán chậm so với thời hạn quy định thì phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 9%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty VINA đã giao hàng cho Công ty Phát triển V tương ứng với số tiền 203.280.000 đồng, nhưng Công ty Phát triển V chỉ thanh toán cho Công ty VINA được số tiền 40.000.000 đồng và còn nợ số tiền 163.280.000 đồng. Công ty VINA đã nhiều lần làm văn bản yêu cầu Công ty Phát triển V phải thanh toán dứt điểm số tiền còn nợ, nhưng Công ty Phát triển V không chịu thanh toán mà cố tình kéo dài việc trả nợ với nhiều lý do không chính đáng.

Nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Phát triển V phải thanh toán số tiền nợ gốc là: 163.280.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán trên số nợ gốc, theo mức lãi suất 9%/năm, tính từ ngày 01/11/2020 đến nay cho Công ty VINA.

Tại văn bản ngày 15/7/2022, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 01-3-2020, Công ty Phát triển V đã ký hợp đồng kinh tế số 2003-05/HĐKT/SRVN-PTVC về việc mua bán chất phụ gia bê tông. Theo đó, Công ty VINA sẽ bán cho Công ty Phát triển V sản phẩm phụ gia: ROADCON SSA với giá 10.400 đồng/lít, và ROADCN WPA52 với giá 20.000 đồng/lít. Công ty VINA đã thực hiện đúng và đầy đủ việc bán hàng cho Công ty Phát triển V tổng giá trị hàng hóa là 203.280.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty Phát triển V mới thanh toán được 80.000.000 đồng. Ngày 04-10-2021, Công ty Phát triển V có thanh toán 40.000.000 đồng nên số tiền có thay đổi so với yêu cầu khởi kiện trước đây. Số tiền Công ty Phát triển V còn nợ là: 123.280.000 đồng. Mặc dù Công ty VINA đã rất nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu Công ty Phát triển V trả nợ nhưng không thực hiện mà chây ỳ, trì hoãn việc trả nợ. Do vậy, Công ty VINA yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Phát triển V phải thanh toán số tiền nợ gốc là: 123.280.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán cụ thể như sau:

Từ ngày 01/11/2020 đến ngày 04/10/2021, lãi suất 9%/năm trên số tiền gốc 203.280.000 đồng, tiền lãi là:

203.280.000 đồng x 9%/365 ngày x 337 ngày = 16.891.733 đồng.

Từ ngày 05/10/2021 đến ngày 25/7/2022, lãi suất 9%/ năm trên số tiền 123.280.000 là: 123.280.000 đồng x 9%/365 x 293 ngày = 8.906.558 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi là:

123.280.000 đồng + 25.798.291 đồng = 149.078.291 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN V, nhưng bị đơn không đến tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thống nhất với việc thụ lý vụ án của Tòa án, về thẩm quyền giải quyết, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp, người tham gia tố tụng. Thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định. Bị đơn không chấp hành văn bản triệu tập của Tòa án nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền mua bán hàng hóa theo Hợp đồng kinh tế đã được hai bên thỏa thuận giao kết. Đây là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, là tranh chấp về kinh doanh, thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 4 của Luật thương mại. Nội dung tranh chấp là:*"Tranh chấp hợp đồng kinh tế về mua bán hàng hóa"* .

[3] Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Pleiku nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, theo lãnh thổ và cấp xét xử được quy định tại các Điều: 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ngày 29-4-2020, nguyên đơn và bị đơn đối chiếu công nợ, nhưng bị đơn không thực hiện thanh toán cho nguyên đơn. Ngày 10-3-2021, nguyên đơn làm đơn khởi kiện là trong thời hiệu được quy định tại Điều 319 của Luật thương mại.

[5] Ngày 01-3-2020, Công ty VINA và Công ty Phát triển V, đã thỏa thuận giao kết hợp đồng kinh tế số: 2003-05/HĐKT/SRVN-PTVC về việc mua bán chất

phụ gia bê tông. Theo đó, Công ty VINA bán cho Công ty Phát triển V các sản phẩm phụ gia bê tông như sau:

Stt	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá	Quy cách đóng gói
01	ROADCON SSA	VNĐ/Lít	10.400	1.000 lít/thùng
02	ROADCON WPA52	VNĐ/Lít	20.400	1.000 lít/thùng

Công ty VINA đã giao hàng cho Công ty Phát triển V tương ứng với số tiền 203.280.000 đồng.

Ngày 29-4-2020, Công ty VINA và Công ty Phát triển V đã lập biên bản đối chiếu công nợ. Theo đó, tính đến ngày 29-4-2020, Công ty Phát triển V còn nợ Công ty VINA, với số tiền là: 146.080.000 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, Công ty Phát triển Vùng Cao thanh toán thêm cho Công ty VINA được số tiền là: 22.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Công ty Phát triển V đã thanh toán cho Công ty VINA là: 80.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là: 123.280.000 đồng đến nay chưa thanh toán.

[6] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, cho bị đơn. Nhưng bị đơn không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến về việc có phản đối hay thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[7] Trong Hợp đồng kinh tế, Công ty Phát triển V và Công ty VINA có thỏa thuận: *"Trong trường hợp Bên A (Công ty Phát triển Vùng Cao) thanh toán chậm so với thời hạn do các Bên quy định trong hợp đồng này, Bên A sẽ phải chịu mức lãi suất chậm thanh toán theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam trên tổng số tiền chậm thanh toán"*. Do vậy, Công ty VINA yêu cầu Tòa án buộc Công ty Phát triển V phải thanh toán số tiền lãi suất do chậm thanh toán nợ gốc theo mức lãi suất 9%/năm, là có căn cứ theo quy định tại các Điều: 357, 468 của Bộ luật Dân sự, tiền lãi cụ thể:

Từ ngày 01/11/2020 đến ngày 04/10/2021, lãi suất 9%/năm trên số tiền gốc 203.280.000 đồng, tiền lãi là: 203.280.000 đồng x 9%/365 ngày x 337 ngày = 16.891.733 đồng.

Từ ngày 05/10/2021 đến ngày 25/7/2022, lãi suất 9%/ năm trên số tiền gốc 123.280.000 đồng là: 123.280.000 đồng x 9%/365 x 293 ngày = 8.906.558 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là:

123.280.000 đồng + 25.798.291 đồng = 149.078.291 đồng.

Từ những căn cứ nhận định tại các luận điểm từ [5] đến [7] như trên đã đủ căn cứ kết luận: Hiện nay, bị đơn là CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN V đang còn nợ nguyên đơn là CÔNG TY VINA, số tiền nợ gốc là: 123.280.000 đồng và tiền

nợ lãi suất do chậm thanh toán là: 25.798.291 đồng; tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là: 149.078.291 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận.

[8] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các Điều: 144, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

-Áp dụng các Điều: 275, 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

-Áp dụng Điều 4 của Luật Thương mại;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là CÔNG TY VINA.

Buộc CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN V phải thanh toán cho CÔNG TY VINA, số tiền là: 149.078.291 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là: 123.280.000 đồng, số tiền nợ lãi là: 25.798.291 đồng.

-Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Buộc CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VÙNG CAO phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước, số tiền là: 7.543.900 đồng (quy tròn).

CÔNG TY CỔ PHẦN SILKROAD VINA không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm; trả lại cho CÔNG TY VINA toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là: 4.204.460 đồng theo Biên lai số 0000765 ngày 06-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

-Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Báo cho: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố P;
-Chi cục THADS TP.P;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thưởng